

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 19-3-2021
V/v Tranh chấp Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Huỳnh Văn Vui**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Huỳnh Văn Hồng**

2. Bà **Đặng Thị Lệ**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngọc Linh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm tỉnh Vĩnh Long không tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 3 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 434/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2021/QĐXX-ST ngày 04 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Trần Thị Thuý H**, sinh năm 1985 (có mặt)

Địa chỉ: ấp P, xã N, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp P, xã N, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 10 năm 2020 và những lời khai khác có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị Thuý H trình bày:***

Hôn nhân giữa chị và anh Nguyễn Văn Đ do tự tìm hiểu quen biết tiến tới hôn nhân không có tổ chức lễ cưới. Anh chị về sống chung gia đình anh Đ tại ấp P, xã N, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long từ năm 2006 đến năm 2007 đăng ký

kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 30 tháng 10 năm 2007. Năm 2008 vợ chồng đi làm tại thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2013 vợ chồng về ấp P, xã N, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long cất nhà sống riêng tự lập. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm thường hay cãi vã mất hạnh phúc. Chị và anh Đ không còn sống chung từ năm 2017 đến nay.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

- *Về con chung*: Có 01 con chung tên Nguyễn Hoài A, sinh ngày 11 tháng 8 năm 2007 hiện đang sống với anh Đ. Sau khi ly hôn chị H đồng ý nuôi con chung không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung phải thu, phải trả*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị không còn yêu cầu nào khác.

*** Theo bảng khai ý kiến ngày 19 tháng 3 năm 2021 bị đơn anh Nguyễn Văn Đ:**

- *Về mối quan hệ hôn nhân*: Thông nhất theo lời trình bày của chị H về mối quan hệ hôn nhân hình thành, thời gian chung sống, hôn nhân có đăng ký kết hôn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng có cãi vã nhau. Anh và chị H không còn sống chung từ tháng 11/2020 đến nay.

Nay đối với yêu cầu xin ly hôn của chị H thì anh cũng đồng ý ly hôn.

- *Về con chung*: Có 01 con chung tên Nguyễn Hoài A, sinh ngày 11 tháng 8 năm 2007 hiện đang sống với anh Đ. Sau khi ly hôn anh đồng ý giao con chung cho chị H nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung phải thu, phải trả*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Theo bảng khai ý kiến ngày 31 tháng 12 năm 2020 cháu Nguyễn Hoài A, sinh ngày 11 tháng 8 năm 2007 trình bày:** Khi cha mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng sống với cha.

Tài liệu, chứng cứ trong vụ án:

Nguyên đơn đã nộp: 01 giấy chứng nhận kết hôn bản chính, 01 giấy khai sinh bản sao, 01 đơn xin xác nhận, 01 bảng khai ý kiến của cháu Hoài A bản gốc.

Bị đơn đã nộp: 01 bảng khai ý kiến bản gốc.

Ngoài ra đương sự không còn yêu cầu nào khác giữ nguyên quan điểm của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và các chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Văn Đ có bằng khai ý kiến nhưng không tham dự hoà giải, vụ án được đưa ra xét xử. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh Nguyễn Văn Đ cố tình vắng mặt không lý do, không hợp tác, anh Đ biết rõ chị Trần Thị Thuý H khởi kiện xin ly hôn với anh. Nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh Đ theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Mối quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị Thuý H và anh Nguyễn Văn Đ là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Hôn nhân của anh chị do tự tìm hiểu quen biết không có tổ chức lễ cưới, anh chị chung sống từ năm 2006 đến năm 2007 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 30 tháng 10 năm 2007. Theo lời trình bày của chị H thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm thường hay cãi vã mất hạnh phúc. Theo anh Đ trình bày vợ chồng có cãi vã nhau hiện nay anh chị không còn sống chung. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị H anh Đ thuận tình ly hôn là phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Con chung: Chị Trần Thị Thuý H và anh Nguyễn Văn Đ thống nhất xác định anh chị có một con chung là cháu Nguyễn Hoài A, sinh ngày 11 tháng 8 năm 2007. Cháu Hoài A có nguyện vọng sống với anh Đ nhưng do anh Nguyễn Văn Đ từ chối việc nuôi con anh đồng ý giao con chung là cháu Nguyễn Hoài A, sinh ngày 11 tháng 8 năm 2007 cho chị Trần Thị Thuý H nuôi dưỡng. Tại phiên tòa chị H tự nguyện nuôi con chung là cháu Nguyễn Hoài A, sinh ngày 11 tháng 8 năm 2007 nên giao cháu A cho chị Trần Thị Thuý H nuôi dưỡng, chị H không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con là phù hợp Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Tài sản chung: Chị Trần Thị Thuý H và anh Nguyễn Văn Đ thống nhất xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[5] Các khoản nợ phải thu, phải trả: Chị Trần Thị Thuý H và anh Nguyễn Văn Đ thống nhất xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình: Chị Trần Thị Thuý H nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9, 51, 53, 55, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, 35, 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 3, Điều 27 Nghị quyết số:

326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

* **Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Thuý H.

[1] Về mối quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị Thuý H được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

[2] Con chung: Giao con chung tên Nguyễn Hoài A, sinh ngày 11 tháng 8 năm 2007 cho chị Trần Thị Thuý H nuôi dưỡng. Chị Trần Thị Thuý H không yêu cầu anh Nguyễn Văn Đ cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Văn Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[3] Tài sản chung: Chị Trần Thị Thuý H và anh Nguyễn Văn Đ thống nhất xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[4] Nợ chung phải thu, phải trả: Chị Trần Thị Thuý H và anh Nguyễn Văn Đ thống nhất xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình: Chị Trần Thị Thuý H nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số N⁰ 0008575 ngày 26 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm. Chị H đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ sau ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại địa phương để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử lại phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Huỳnh Văn Vui